

Số: 111 /BC-UBND

Bỉm Sơn, ngày 18 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kế hoạch phát triển Giáo dục- Đào tạo và dự toán NSNN năm 2019

Thực hiện Công văn số 1343/SGDDĐT-KHTC ngày 08/6/2018 của Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và ước thực hiện kế hoạch 2018.

1. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Năm 2017, kinh tế tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế chuyên dịch đúng hướng, các chỉ tiêu về kinh tế hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, tổng giá trị sản xuất địa bàn (theo giá 2010) ước đạt 17.846,9 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt 22,5% vượt kế hoạch 8,3%; cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm 76,10%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 22,64%; Nông - Lâm - Thủy sản chiếm 1,26%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 68 triệu đồng/năm, bằng 103,8% KH, tăng 17,2% so CK.

Tổng thu NSNN thực hiện 474.805 triệu đồng, chi NSDP là 300.076 triệu đồng. Trong đó chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo chiếm 23.6% trong tổng số chi NSDP. Tình hình kinh tế - xã hội thị xã tiếp tục có bước phát triển và có nhiều khởi sắc, QP-AN được giữ vững, an sinh xã hội bảo đảm; một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tích cực; thương mại - dịch vụ phát triển; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư; chất lượng giáo dục được nâng lên; đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; QP-AN, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đa số các chỉ tiêu về kinh tế xã hội hoàn thành và vượt mức Nghị quyết của HĐND thị xã giao, trong đó có 05 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch (Tốc độ tăng trưởng kinh tế, Thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ dân số tham gia BHYT; giải quyết việc làm, tỷ lệ hộ nghèo). Những kết quả trên là hết sức quan trọng tạo điều kiện chăm lo sự nghiệp giáo dục phát triển và là tiền đề cho việc xây dựng, triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã năm 2018.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

- Giáo dục và đào tạo đã đạt được thành tựu quan trọng góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020 của địa phương:

Thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp đạt kế hoạch, huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường: Nhà trẻ đạt tỷ lệ 40 %; mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ trẻ bán trú duy trì 100%; Tiểu học đạt 100% trẻ 6 tuổi vào

lớp 1, tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,8%; THCS học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; THPT: tỷ lệ học THPT và học nghề là 93%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT, THCS đạt trên 99%, đậu đại học cao đẳng hàng năm đạt từ 70-77%;

Quy mô trường lớp ổn định, năm học 2017-2018: toàn Thị xã có: 27 trường và 01 TTGD TX trong đó: 10 trường Mầm non, 7 trường Tiểu học, 6 trường THCS và 2 trường liên cấp TH&THCS, quy mô bậc Mầm non có 142 nhóm lớp với 4052 học sinh (2 trường tư thục 31 nhóm lớp); bậc tiểu học có 160 lớp với 5002 học sinh; bậc THCS có 77 lớp với 2925 học sinh. bậc THPT có 2 trường, là 2 trường hạng 2, gồm 39 lớp với 1638 học sinh. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 77,7%.

Chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn giữ vững, chất lượng mũi nhọn đạt khá, cụ thể:

Giáo dục Mầm non:

Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường: Nhà trẻ đạt tỷ lệ 40 %; mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ trẻ bán trú duy trì 100%. Tổ chức Hội thi "Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong các cơ sở GDMN". Hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong phụ huynh và nhân dân trên địa bàn về tạo môi trường giáo dục cho trẻ mầm non; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi còn 5,6%; có 9/10 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 90%, trong đó có 2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Giáo dục Tiểu học:

Chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạy học phù hợp với đối tượng học sinh; triển khai thực hiện đánh giá học sinh Tiểu học theo Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ GD&ĐT; tiếp tục thực hiện tốt đề án dạy học Tiếng Anh ở tiểu học. Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH, 8/8 đơn vị đạt PCGDTH mức độ 3. Huy động 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Chất lượng giáo dục được duy trì, cụ thể: **Môn Toán:** Hoàn thành tốt: 2654/4981 em đạt 53,3%; Hoàn thành: 2126/4981 em đạt 42,7%; **Môn Tiếng Việt:** Hoàn thành tốt: 2405/4981 em đạt 48,3%; Hoàn thành: 2487/4981 em đạt 49,9%; **Năng lực** đạt Tốt: 3040/4969 em tỷ lệ 61,2%; Đạt: 1869/4969 em, tỷ lệ 37,6%; **Phẩm chất** đạt tốt: 3753/4969 em tỷ lệ 75,53%; Đạt: 1214/4969 em, tỷ lệ 24,4%; cần cố gắng: 2/4969, tỷ lệ 0,04%.

Giáo dục THCS, THPT:

Tập trung đổi mới phương pháp dạy học tích hợp với dạy phân hoá; chú trọng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dự đạo đức, phát hiện kịp thời học sinh giỏi, học sinh yếu kém để bồi dưỡng giúp đỡ; thực hiện giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8, 11. Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh bậc THCS xếp thứ 14; bậc THPT, trường THPT Bim Sơn xếp thứ 14;

THPT Lê Hồng Phong xếp thứ 55. Kết quả chất lượng Giáo dục đại trà THCS : Xếp loại Hạnh kiểm: Loại tốt có 2494 HS = 85,26%; Loại khá có 395 HS = 13,5%; Loại TB có 32 HS = 1,09%; loại yếu có 3 HS = 0,1%; Xếp loại Học lực: Giỏi 938 HS = 32,07%, khá 1218 = 41.64%, TB 715 HS = 24.44%, yếu còn 53 HS = 1,81%; công nhận tốt nghiệp THCS đạt 99,9%; THPT : tổng số HS THPT là 1629: Xếp loại Hạnh kiểm: Loại tốt có 1394 HS = 85,57%; Loại khá có 216 HS = 13,26%; Loại TB có 17 HS = 1,04%; loại yếu có 01 HS = 0,06%; Xếp loại Học lực: Giỏi 270 HS = 16,57%, khá 1054 = 64,70%, TB 296 HS = 18,17%, yếu còn 9 HS = 0,55%.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2017-2018 theo Chỉ thị 2699/CT-BGDĐT ngày 8/8/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo:

2.2.1. Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm:

a. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp trên địa bàn.

Quy mô trường lớp tiếp tục phát triển, đi vào hoạt động 2 trường Liên cấp là trường TH&THCS Quang Trung, TH&THCS Phú Sơn; thực hiện tuyển sinh đầu cấp đạt kế hoạch đề ra, vào lớp 1, lớp 6 đạt 100%; Mầm non: 10 trường 142 nhóm lớp, Tiểu học: 7 trường và 2 trường liên cấp 149 lớp; THCS: 6 trường và 2 trường liên cấp TH&THCS 76 lớp; 8 trung tâm học tập cộng đồng. Trong năm học mô hình trường TH&THCS đã được sắp xếp, tổ chức tại 2 đơn vị xã Quang Trung và phường Phú Sơn, các hoạt động dạy và học cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tại địa phương.

b. Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

UBND thị xã đã thực hiện công tác rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ, giáo viên nhân viên với vị trí, khung năng lực gắn với việc tinh giản biên chế; thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, ban hành quy định bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học; thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng giáo viên theo quy định; từ năm 2013 đến nay đã tuyển dụng 19 giáo viên mầm non; hợp đồng 19 người theo QĐ 60; hợp đồng bổ sung 22 giáo viên tiểu học và 3 giáo viên THCS theo Nghị Quyết số 65/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của Hội đồng nhân dân Thị xã

Hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; Hướng dẫn các đơn vị, trường học đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và phổ thông; Thực hiện đánh giá phân loại cán bộ giáo viên theo quy định; hàng năm xếp loại xuất sắc đạt 68%; hoàn thành tốt đạt 32%. Thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ nhà giáo; động viên, khen thưởng kịp thời đối với, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất trong các hoạt động giáo dục, đồng thời thực hiện phê bình, kỉ luật kịp thời đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên học sinh vi phạm quy định của ngành.

Hiện nay cán bộ, giáo viên toàn ngành có 760 người, trong đó: MN có

257 người (82 GV dạy tư thực), so với nhu cầu thiếu 65 người; tiểu học có 225 người, so với nhu cầu thiếu 54 người; THCS có 165 người, so với nhu cầu thiếu 17 người; THPT có 106 người, TTGD TX có 7 người: 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ đào tạo đạt chuẩn; trên chuẩn đạt 73,2%; có 24 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sỹ; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp được quy định của Bộ GD&ĐT.

c. Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.

Chương trình giáo dục hướng nghiệp lớp 9, 12 được thực hiện dạy theo các chủ đề được Bộ GD&ĐT quy định. Nội dung các chủ đề tập trung vào vấn đề như: Thanh niên với vấn đề lập nghiệp; Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước; Thanh niên với xây dựng và bảo vệ tổ Quốc. Thị xã duy trì kết quả phổ mầm non 5 tuổi (100% trẻ em 5 tuổi được huy động ra lớp); kết quả phổ cập, tiểu học và THCS đạt mức độ 3; trong năm học không có học sinh bỏ học.

Số học sinh tốt nghiệp THCS, THPT năm 2015, 2016, 2017

Năm học	Tổng HS TN THCS	HS học THPT	HS học TC nghề Bim Sơn	Tổng HS TN THPT	HS học ĐH, CĐ	HS học nghề, LĐPT
2014-2015	610	547	63	628	377	251
2015-2016	640	541	80	482	296	186
2016-2017	588	555	33	491	380	111

Các em học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT đã tự nguyện nộp hồ sơ để học trường nghề đối với THPT và TC nghề với THCS.

d. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ .

UBND thị xã chỉ đạo ngành GD Bim Sơn triển khai, quán triệt nội dung Kế hoạch dạy và học tiếng Anh cấp Tiểu học giai đoạn 2011-2020, ban hành kèm theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh; Học sinh tiểu học thực hiện chương trình SGK Hệ 10 năm đối với khối 3, 4, 5; Riêng chương trình tiếng Anh tự chọn của lớp 1,2 các trường sử dụng là Sách Tiếng Anh dành cho học sinh lớp 1 và lớp 2 “ABC English 1 ,, và “ABC English 2; một số trường TH đã liên kết với trung tâm BigBen để thực hiện dạy tiếng Anh tự chọn cho lớp 1, 2. Đối với bậc THCS: hai trường thực hiện chương trình tiếng Anh (thí điểm) hệ 10 năm, còn lại 5 trường THCS và 2 trường TH&THCS thực hiện chương trình tiếng Anh hệ 7 năm.

Khó khăn:

- Đối với bậc TH: Giáo viên môn TA Tiểu học chưa đủ để đảm bảo thực hiện dạy 4 tiết/tuần đối với khối 3, 4, 5. Để nâng cao chất lượng dạy và học, một số trường đã thực hiện dạy tăng cường 3 tiết/tuần ở một số khối lớp.

- Đối với bậc THCS: Do chưa thực hiện đồng nhất chương trình sách giáo khoa, nội dung thi học kỳ và thi tuyển sinh lớp 10; do đó các đơn vị trường học còn lúng túng chưa mạnh dạn thực hiện chương trình tiếng anh hệ 10 năm.

đ. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục.

Từ năm học 2014-2015, 100% các đơn vị trường học trên địa bàn đều sử dụng mạng internet và wifi; 5/6 trường THCS và 1/2 trường TH&THCS tổ chức dạy tin học là môn tự chọn và dạy nghề cho học sinh. Toàn ngành đã tập trung đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy bằng CNTT đã phối hợp với Viễn thông Thanh Hóa khai thác thông tin mạng internet, phần mềm Phổ cập - CMC, Vnedu, tham gia sinh hoạt chuyên môn qua trang web “trường học trực tuyến”, PMIS, VEMIS, EMIS và SREM; phần mềm quản lý và kế toán (Emis, Pmis, Misa...); từng bước quản lý bằng phần mềm điện tử, soạn bài giảng điện tử Eleanring...; hiện nay 100% nhà trường có mạng kết nối, dùng sổ liên lạc điện tử, sổ điểm điện tử.

e. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Triển khai thực hiện các nội dung Nghị định 115/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục; Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV của Liên Bộ (Bộ GD&ĐT - Bộ Nội vụ) về phân cấp quản lý trong giáo dục; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ thực hiện phân cấp quản lý về giáo dục, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục công lập. Chỉ đạo việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT, ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngành GD&ĐT đã thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với các đơn vị trường học theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ CBQL. Có 100% trường đã hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm theo đúng hướng dẫn, thực hiện công khai hóa về chất lượng giáo dục.

g. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

Thường xuyên cập nhật, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về xây dựng chiến lược, kế hoạch hợp tác hội nhập quốc tế; chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh; thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Công văn 1749/SGDĐT-GDCN ngày 05/09/2016; Công văn số 923/SGDĐT-GDCN ngày 09/05/2017 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2499/SGDĐT-GDCN ngày 06/12/2016 về việc báo cáo định kỳ hoạt động dịch vụ tư vấn du học năm 2016; Công văn số 922/SGDĐT-GDCN ngày 09/05/2017 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn.

h. Tăng cường xây dựng CSVC, thiết bị trường học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Hàng năm tổng kinh phí ngân sách thị xã đầu tư cho xây dựng, mua sắm, trang bị cơ sở vật chất trường học là hơn 7 tỷ đồng; các tổ chức xã hội, cá nhân đã tham gia vào hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa trường lớp với số tiền là 12,3 tỷ đồng; việc huy động, sử dụng nguồn xã hội hóa được thực hiện đúng theo tinh thần Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện xây dựng quỹ Cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS); huy động quỹ khuyến học có hiệu quả, hằng năm trao hàng trăm suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tặng vở, sách giáo khoa cho một số đơn vị trường học; học bổng cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi...

Tranh thủ sự quan tâm đầu tư của UBND tỉnh; Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-HĐND về hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia, trong năm học tiếp tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án; đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục.

i. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt: “Bố trí, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành giáo dục tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”. Thị xã luôn quan tâm công tác bồi dưỡng trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, hằng năm cử những giáo viên cốt cán học trung cấp lý luận, quản lý giáo dục; khuyến khích cán bộ giáo viên đi đào tạo trên chuẩn; thực hiện Xây dựng quy hoạch nguồn cán bộ quản lý; tuyển dụng, tiếp nhận giáo viên luôn lấy tiêu chuẩn đào tạo, kết quả thành tích trong giảng dạy để xem xét.

2.2.2. Đối với 5 giải pháp:

a. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo: việc chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý và cải cách thủ tục hành chính ở các cơ sở giáo dục.

Nghiên cứu đề xuất, bổ sung thay thế một số quy định của Quyết định 1268/QĐ-UBND của UBND Tỉnh về thực hiện Nghị định 115/NĐ-CP cho phù hợp tình hình hiện nay. Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục theo hướng phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ CBQL; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tập trung giải quyết tốt những vấn đề bức xúc, đồng thời kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong Giáo dục và Đào tạo. Đẩy mạnh và thực hiện công tác dân chủ và

công khai trong các đơn vị trường học, nhất là công khai tài chính và công khai chất lượng giáo dục.

b. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp: đánh giá về bồi dưỡng năng lực chuyên môn của CBQL.

Chỉ đạo các đơn vị trường học xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm. Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trường học. Hướng dẫn các đơn vị trường học thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo khách quan, dân chủ, phù hợp với năng lực để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành trong công tác.

Tiếp tục cử CBQL tham gia học lớp trung cấp chính trị và lớp bồi dưỡng CBQL giáo dục, đánh giá cán bộ quản lý qua hiệu quả dạy học của nhà trường, tín nhiệm của CBGV, và phụ huynh, học sinh.

c. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo;

Tích cực, chủ động tham mưu cho thị ủy, HĐND thị xã, UBND tỉnh các giải pháp đẩy mạnh XHH, theo hướng đẩy mạnh đầu tư CSVC cho các trường MN, phổ thông; kêu gọi và tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân tham gia vào phát triển sự nghiệp giáo dục.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 về việc phê chuẩn, hỗ trợ ngân sách thị xã để xây dựng cơ sở vật chất trường học giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn thị xã Bim Sơn.

d. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

Tiếp tục chỉ đạo, quản lý chặt chẽ nền nếp dạy học, kiểm tra đánh giá, thi cử, quan tâm đánh giá năng lực phẩm chất học sinh. Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn đánh giá học sinh, đối với mầm non đánh giá theo Thông tư Số: 25/2014/TT-BGDĐT, ngày 07 tháng 8 năm 2014; đối với Tiểu học theo Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và thông tư 58/TT-BGDĐT đánh giá học sinh trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện tự đánh giá đúng hiện trạng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; trường đạt chuẩn quốc gia bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn để đề nghị UBND tỉnh đánh giá và công nhận lại; chỉ đạo các đơn vị chưa đạt chuẩn bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn để đề nghị công nhận mới. Phấn đấu đến năm 2020 có 90% trường đạt chuẩn quốc gia.

đ. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo.

Quan tâm, đầu tư nhiều hơn cho công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ về các chủ trương đổi mới của ngành. Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã

hội. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình ở trung ương và địa phương trong việc đưa tin về các hoạt động của Ngành, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên.

Trong năm 2017, dự toán giao chi thường xuyên cho giáo dục – đào tạo là 69,1 tỷ đồng, thực hiện 75 tỷ đồng, đạt 108,7% so với dự toán. Trong đó chi cho chế độ cá nhân là 61,8 tỷ đồng, chiếm 82,4% (chi lương, phụ cấp là 51,4 tỷ đồng), chi cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ 11,5 tỷ, chiếm 15,3%, chi thường xuyên khác 1,7 tỷ đồng chiếm 2,3%.

Việc thực hiện Xã hội hóa giáo dục được thực hiện trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh học sinh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Việc thu chi từ nguồn XHH được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định, có hiệu quả; tổng thu năm 2017 là gần 5 tỷ đồng, được các đơn vị sử dụng vào việc mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất giáo dục.

3.2. Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo

Các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo được thực hiện kịp thời, khẩn trương, đúng quy định. Trong năm 2017, tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là 774 học sinh, với tổng kinh phí 352 triệu đồng; 716 học sinh được miễn, giảm học phí, với tổng kinh phí miễn giảm là 218 triệu đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ 3-5 tuổi được thực hiện là 86 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật 87,4 triệu đồng.

3.3. Các chương trình dự án do ngân sách trung ương hỗ trợ: Không có

II. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019 (năm học 2019-2020):

1. Căn cứ, định hướng xây dựng kế hoạch:

- Quyết định số 5308/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

- Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức bình quân học sinh/lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 về việc phê duyệt kế hoạch dạy và học tiếng Anh cấp tiểu học giai đoạn 2011-2020.

- Công văn số 59/SGDD-KHTC ngày 10/01/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND và xây dựng

kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019.

- Chương trình hành động Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã khóa X (2015-2020)

2. Nội dung kế hoạch:

2.1. Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu của địa phương đặt ra trong kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo năm 2019:

a. Mục tiêu 1: Thực hiện công bằng xã hội trong GD&ĐT, tạo cơ hội học tập ngày càng tốt hơn cho con em các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các vùng khó khăn:

- Củng cố hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới trường lớp ở xã Quang Trung và phường Phú Sơn; thực hiện đầu tư xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ.

- Tăng cường mua sắm bàn ghế chuẩn, thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ và tăng nhanh máy chiếu đa năng, máy tính để ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bố trí đủ giáo viên theo cơ cấu môn.

- Chăm lo đối tượng học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn.

- Phấn đấu tỷ lệ 15% trẻ khuyết tật vào nhà trẻ, 75% trẻ khuyết tật lứa tuổi mẫu giáo được nhập học; 75% trong lứa tuổi 6-14 được hoà nhập ở tiểu học và 37% năm 2018 ở THCS. 100% học sinh gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường.

+ Giải pháp thực hiện:

Tiếp tục chăm lo xây dựng đội ngũ; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất trường học, chính sách tài chính giáo dục để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

b. Mục tiêu 2: Tăng tỷ lệ huy động trẻ, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học, THCS:

Nâng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp, học bán trú; duy trì tỷ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp đạt cao; duy trì tỷ lệ tuyển sinh 100% vào lớp 1 và lớp 6; nâng tỷ lệ học sinh tiểu học học bán trú; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban ở TH và THCS.

- Mầm non: Tỷ lệ huy động các cháu nhà trẻ (0-2 tuổi) đạt 40%, từ 3-5 tuổi đạt 95%; huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 100%. Duy trì tỷ lệ bán trú đạt 100%.

- Tiểu học: Tỷ lệ nhập học lớp 1 (6 tuổi) đạt 100% (Dự kiến 40 lớp với 1274 học sinh), tỷ lệ trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%, có 07 trường có học sinh bán trú.

- THCS: Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6 đạt 100% (dự kiến 26 lớp với 946 học sinh), tỷ lệ học sinh THCS từ 11-14 tuổi

ra lớp đạt 99%.

- THPT: Dự kiến tuyển sinh vào lớp 10 là 13 lớp, trong đó THPT Bim Sơn là 8 lớp với 336 HS, THPT Lê Hồng Phong 7 lớp với 294HS.

- Giảm tỷ lệ học sinh lưu ban các khối lớp Tiểu học bình quân 0.5%; THCS mức 1%.

+ Giải pháp thực hiện:

Chỉ đạo các trường MN, TH, THCS tích cực phối hợp với các địa phương thực hiện điều tra, cập nhật, hoàn thành trong tháng 8-9 hàng năm và thường xuyên bổ sung cập nhật trong cả năm học 2018-2019.

Chỉ đạo các phòng ban của UBND thị xã có liên quan, đảm bảo nguồn lực tài chính: Nguồn kinh phí phổ cập, XMC quốc gia; Huy động nguồn hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp giáo dục, nguồn hỗ trợ đóng góp của địa phương.

c. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dạy - học; trình độ chuẩn giáo viên:

* Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn.

- Giáo dục Mầm non: Đến hết năm học 2018-2019 có từ 85% trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng Mầm non xuống còn dưới 6 %; 100% các trường Mầm non thực hiện bộ chuẩn chương trình GDMN; giáo dục phát triển vận động.

- Giáo dục phổ thông:

Tỷ lệ lên lớp bình quân toàn cấp Tiểu học tăng thêm 0.2%, cấp THCS đạt 98% trở lên. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm 100% và HS lớp 9 tốt nghiệp THCS đạt 98% trở lên, Tốt nghiệp THPT đạt 98% trở lên, bỏ túc THPT đạt 90% trở lên.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao và tất cả các cuộc thi được xếp trong top 10 của Tỉnh.

Đảm bảo 100% học sinh Tiểu học khối 3,4, 5 học Tiếng Anh bắt buộc, các trường có điều kiện tổ chức dạy tiếng anh cho khối 1,2 đạt 80%; tất cả các trường có phòng máy tính đều tổ chức dạy Tin học tự chọn cho học sinh. 100% học sinh lớp 9 được học chương trình hướng nghiệp, các trường phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS

+ Giải pháp thực hiện:

Tiếp tục chỉ đạo công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực tự giác, chủ động sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

Tiếp tục triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà trường, công khai kết quả kiểm định trên mạng giáo dục.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực để tạo môi trường giáo dục lành mạnh,

tạo môi trường học tập tốt nhất cho các em học sinh.

Tăng cường chỉ đạo công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu theo lộ trình lâu dài nhiều năm, năm trước sẽ chọn đội dự tuyển cho khối lớp của năm học tiếp theo.

* Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:

- Nhu cầu giáo viên công lập trong năm học 2018-2019 cần 715 biên chế, biên chế được giao 590 (có 26 HĐ60), biên chế hiện có 590; còn thiếu so với nhu cầu và tỉnh giao 125 người, cụ thể: nhu cầu bậc mầm non 239 biên chế (119 nhóm lớp công lập), còn thiếu 14 biên chế; tiểu học cần 290 biên chế còn thiếu 87 biên chế (166 lớp 2b/ngày), THCS cần 186 thiếu 24 biên chế (83 lớp).

d. Mục tiêu 4: Tăng cường năng lực quản lý giáo dục:

- Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý trường học.

100% CBQL có bằng chuyên môn từ Đại học trở lên, có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 100% CBQL các trường học có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và tham gia cập nhật kiến thức CBQL.

+ Giải pháp thực hiện:

Thống kê đội ngũ CBQL nhà trường văn bằng, chứng chỉ công tác quản lý giáo dục. Lập danh sách, cử cán bộ quản lý đi học bồi dưỡng nghiệp vụ QL trường học theo chương trình Bồi dưỡng CBQLGD 3,5 tháng và cập nhật kiến thức QL.

Mở các lớp tập huấn về phần mềm tin học mới về QLCLGD, Kiểm Định CLGD cho CBQL nhà trường trong năm học 2018-2019.

Tất cả cán bộ quản lý trường học được tham gia các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chỉ đạo chuyên môn; tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Chỉ đạo cho CBCV, chuyên viên phòng GD&ĐT tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Sở GD&ĐT tổ chức.

e. Mục tiêu 5: Phát triển mạng lưới trường, lớp và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; nâng cao tỷ lệ trường chuẩn quốc gia:

- Giữ quy mô trường lớp gồm 10 trường mầm non, 7 trường tiểu học, 6 trường THCS, 02 trường liên cấp TH&THCS; 02 trường THPT và 01 TTGDTX); Nâng cao chất lượng trường đạt Chuẩn quốc gia (CQG).

- Nhu cầu năm 2018-2019 bậc Mầm non cần thêm 31 phòng học(công lập 26 phòng); Tiểu học 27 phòng học và THCS 18 phòng học bộ môn; cả 3 cấp học cần thêm 10 nhà hiệu bộ và cải tạo và nâng cấp các phòng học xuống cấp, tăng cường CSVC thiết bị đồ chơi, đầu tư trang thiết bị cho 02 trường liên cấp TH & THCS tại Phú Sơn và xã Quang Trung.

2.2. Xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học và trình độ đào tạo của địa phương, của ngành năm học 2018-2019

2.2.1. Tiếp tục thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm và 5 giải pháp

*** Thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm**

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định sắp xếp các trường tiểu học, THCS, THPT có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

Trong năm học 2018-2019 quy mô trường lớp trên địa bàn thị xã MN có 148 nhóm lớp với 4110 cháu (công lập 119 nhóm lớp; TH có 166 lớp với 5243 HS trong đó 100% lớp 2 buổi/ngày; THCS có 83 lớp với 3137 HS; THPT có 41 lớp với 1773 HS. So với năm 2017-2018 có sự chuyển biến, số học sinh ở các cấp học từ MN đến THCS tăng khoảng 644 học sinh (MN: 77; TH: 239; THCS: 243; THPT: 85).

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Triển khai và thực hiện có hiệu quả các bộ chuẩn quy định: Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; chuẩn hiệu trưởng trường phổ thông (sửa đổi, bổ sung), trên cơ sở đó thực hiện rà soát, sắp xếp, tuyển dụng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn để đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc, gắn với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn; có giải pháp xử lý nghiêm túc đối với giáo viên, cán bộ quản lý không đạt chuẩn, không đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức.

- Nâng cao chất lượng giáo dục; Phân luồng học sinh phổ thông

Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua việc điều chỉnh nội dung và phương thức dạy học lấy hoạt động của học sinh làm trung tâm; đổi mới mạnh mẽ phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Tổ chức khai thác hiệu quả trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp được kết nối giữa các trường phổ thông với cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp nhằm giúp học sinh lựa chọn nghề. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

- Tăng cường tự chủ trong giáo dục và đào tạo

Các đơn vị, trường học tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ chức, hội đồng trường theo quy định, đảm bảo các điều kiện để thực hiện đúng chức năng,

nhiệm vụ theo quy định. Thực hiện dân chủ trong trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục của đơn vị phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ;

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế công khai các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ

Thực hiện có hiệu quả Đề án “Dạy học Tiếng Anh trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ:

Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên dạy Tiếng Anh các cấp học, bậc học hiện nay, đáp ứng đủ giáo viên giảng dạy theo quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm đối với giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu

Tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 117/QĐ-TT ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển hệ thống hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin toàn ngành theo hướng đồng bộ, hiện đại và đảm bảo an toàn thông tin mạng; khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng E-learning của ngành phục vụ nhu cầu tự học tập của học sinh và đổi mới sáng tạo trong hoạt động dạy học; nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, giáo viên, sinh viên trong toàn ngành để hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Xây dựng hệ thống phần mềm thống nhất để hỗ trợ công tác quản lý, quản trị nhà trường; sử dụng thống nhất toàn ngành cơ sở dữ liệu giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin quản lý giáo dục đầy đủ, tin cậy, kịp thời cho các cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan hữu quan

- Hợp tác quốc tế và đào tạo với nước ngoài

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án hội nhập quốc tế về giáo dục dạy nghề đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch thực hiện “Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế năm 2020, tầm nhìn 2030” của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường thu hút hợp tác đầu tư của nước ngoài trong giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo, công nhận chứng chỉ, liên thông chương trình, đồng cấp bằng với các trường đại học được kiểm định của nước ngoài. Thí điểm áp dụng các mô hình giáo dục tiên

tiến, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, giáo trình, kiểm tra, đánh giá trẻ em mầm non, học sinh; tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng, đổi mới chương trình và tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường xây dựng CSVC, đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

Tranh thủ sự quan tâm đầu tư của UBND tỉnh; Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-HĐND về hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia, trong năm học tiếp tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục - đào tạo; đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, tập trung xây dựng phòng học, nhà hiệu bộ, nâng cấp các công trình phụ trợ theo hướng chuẩn chuẩn hóa.

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt: “Bố trí, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành giáo dục tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”;

Xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý giáo viên; thực hiện tuyển dụng, hợp đồng bổ sung đủ giáo viên và đảm bảo chất lượng.

Tập trung đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực học sinh; đổi mới tổ chức sinh hoạt tổ, khối chuyên môn; tăng cường trao đổi kinh nghiệm, hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp; nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

*** Thực hiện 5 Giải pháp:**

- Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo Quyết định số 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; rà soát, giảm tải các thủ tục hành chính không thực sự cần thiết, tăng cường hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp

Tập trung đổi mới công tác quản lý giáo dục trên các lĩnh vực: Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện, công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá có hiệu quả; Phát huy tính sáng tạo trong công tác quản lý: Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ quản lý về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu hiện nay. Rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục định hướng đến 2025; thực hiện kịp thời bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý đảm bảo khách quan, dân chủ, phù hợp với năng lực để nâng cao hiệu quả chỉ đạo,

điều hành trong công tác. Thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch việc đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý giáo dục hằng năm học.

- Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; bố trí hợp lý cho chi đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường hiệu quả đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng hiệu quả đầu tư công.

Ngoài kinh phí của nhà nước và kinh phí của địa phương đầu tư hàng năm, các cơ sở giáo dục cần làm tốt phong trào xã hội hóa giáo dục để huy động thêm kinh phí từ các nhà doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, phụ huynh học sinh và nhân dân mua sắm CSVC, thiết bị dạy học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cũng như công tác khuyến học, khuyến tài. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dành cho giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

Tiếp tục thực hiện công tác khảo thí thực hiện theo hướng đánh giá năng lực người học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong khảo thí, đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dạy và người học.

Đẩy mạnh kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; khuyến khích tổ chức đánh giá đồng cấp để từng bước chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh tuyên truyền về đổi mới giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác thông tin, truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia, đánh giá, phản biện của xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; đa dạng hóa các hình thức thông tin, truyền thông; chủ động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; giám sát, kiểm tra và có chế tài thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch truyền thông với sự tham gia của các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục. Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

2.2.2. Định hướng về các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chỉ thị năm học 2018-2019.

Thứ nhất: Các địa phương tiếp tục rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT và phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng. Đối với các phường quy hoạch trường, lớp cần theo hướng mở rộng ra khu vực ngoại thị để khắc phục tình trạng sĩ số lớp quá đông do thiếu quỹ đất.

Tăng cường xã hội hóa để thành lập mới các trường mầm non tư thục chất lượng cao nhất là khu công nghiệp Bắc-Đông Bim Sơn. Chỉ đạo các địa phương thực hiện rà soát hệ thống trường lớp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đối với các trường thực hiện dạy học 2 buổi/ngày. Xác định thực trạng và nhu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho từng địa phương từng trường; các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch tổng thể chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình đổi mới Chương trình GDPT.

Thứ hai: Căn cứ chuẩn giáo viên và cán bộ quản lý làm cơ sở để thực hiện rà soát, quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn; có biện pháp xử lý đối với giáo viên, cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn tối thiểu, không đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Báo cáo UBND tỉnh bổ sung bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông đủ số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới; chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ QLGD các cấp.

Thứ ba: Chuẩn bị các điều kiện để tiếp thu Chương trình GDPT mới; triển khai thực hiện hiệu quả phương pháp và hình thức GD tích cực, trong đó tăng cường hoạt động học tích cực, tự lực của HS; xây dựng và thực hiện GD STEM trong GDPT phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng đánh giá năng lực người học, ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong công tác khảo thí, bảo đảm công bằng, khách quan, chính xác, tin cậy, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dạy và người học; đẩy mạnh kiểm định chất lượng các cơ sở GDPT, chú trọng kiểm định theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

Thứ tư: Triển khai thực hiện các giải pháp GD hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS phổ thông theo Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án GD hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong GDPT.

Thứ năm: Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GD quốc dân theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GD quốc dân giai đoạn 2017 - 2025.

Thứ sáu: Tăng cường tự chủ của các nhà trường trong việc xây dựng, phát triển kế hoạch GD nhà trường; đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở GD.

2.3. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2019:

a. Xây dựng dự toán thu:

Dự toán thu học phí năm 2019 là 6.802 triệu đồng, trong đó bậc mầm non là 3.966 triệu đồng, trung học cơ sở là 2.554 triệu đồng, TTGD TX và trung cấp

nghe 282 triệu đồng. Mức thu học phí được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 2

b. Xây dựng dự toán chi:

* Chi thường xuyên:

Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2019 cho giáo dục - đào tạo là 83.930 triệu đồng, trong đó chi thanh toán cá nhân 67.035 triệu đồng, chi hoạt động chuyên môn 13.658 triệu đồng, chi hỗ trợ chính sách 882 triệu đồng, chi thường xuyên khác 2.355 triệu đồng.

Chi tiết mục Chi cho các chính sách giáo dục:

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập dự toán hỗ trợ cho 424 học sinh/1 học kỳ, với tổng kinh phí là 381,6 triệu đồng (mức chi 100.000 đồng/học sinh/tháng, hưởng đối đa 9 tháng trong 1 năm)

- Chính sách miễn giảm học phí: 332 học sinh/1 học kỳ, với tổng kinh phí là 260,4 triệu đồng (mức miễn giảm học phí theo mức thu học phí).

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: 104 trẻ/1 học kỳ, với tổng kinh phí là 130 triệu đồng (mức chi 139.000 đồng/trẻ/tháng, hưởng tối đa 9 tháng trong 1 năm)

- Chính sách hỗ trợ đối với trẻ khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGD-BLĐTBXH-BTC: 10 đối tượng, với tổng mức 110 triệu đồng

* Chi xây dựng xây dựng cơ bản 5.000 triệu đồng, tập trung chi xây dựng thêm các phòng học của các trường trên địa bàn.

2.4. Lập kế hoạch tài chính- NSNN năm 2019-2021

Dự toán tổng thu học phí giai đoạn 2019-2021 là 22.517 triệu đồng, trong đó bậc học mầm non là 13.127 triệu đồng, bậc trung học cơ sở là 8.455 triệu đồng, bậc đào tạo dạy nghề là 935 triệu đồng (*chi tiết tại Biểu số 11*)

Tổng dự toán chi cho giáo dục - đào tạo giai đoạn 2019-2021 là 277.110 triệu đồng, trong đó chi đầu tư là 16.500 triệu đồng, chi thường xuyên là 260.610 triệu đồng (*chi tiết tại Biểu số 10.2*)

2.5. Kiến nghị:

2.5.1. Đối với UBND tỉnh Thanh Hóa

Quan tâm cấp kinh phí đầu tư xây dựng phòng học, công trình phụ trợ; mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ở các cơ sở GDMN, các trường phổ thông phụ vụ đổi mới giáo dục và đào tạo.

Giao biên chế các bậc học theo quy định tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND của UBND Tỉnh theo nhu cầu thực tế hằng năm; sửa đổi bổ sung Quyết định số 3185/QĐ-UBND quy định tỷ lệ biên chế giáo viên /nhóm lớp bằng hoặc cao hơn quy định của Trung ương.

2.5.2. Đối với Trung ương:

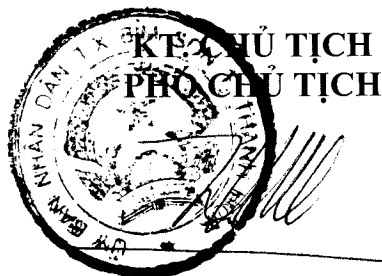
Sửa đổi, bổ sung thay thế Nghị định 115/NĐ-CP của Chính phủ để phù hợp với đổi mới cơ chế phân cấp quản lý giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp; quan tâm đầu tư, ưu tiên nguồn vốn để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch tham mưu Chính phủ chỉ đạo các tỉnh, thành chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, CSVC để thực hiện đổi mới chương trình, giáo khoa./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- TT. Thị ủy, HĐND thị xã (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã (b/c);
- Lưu: VT, TCKH.



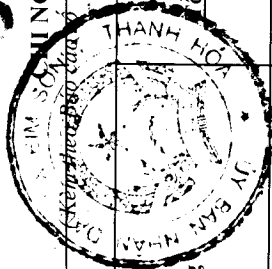
Mai Đình Lâm

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ABC-UBND ngày 18/6/2018 của UBND thị xã Bim Sơn)

DVT: Triệu đồng

Năm	Nội dung	Tổng chi	Tổng số	Giáo dục				Giáo dục khác	Ghi chú
				Giáo dục mầm non	Giáo dục tiểu học	Giáo dục trung học cơ sở	Giáo dục khác		
TH 2017	Tổng số	78.141	78.141	16.388	27.940	24.052	9.762,00	-	
	Chi đầu tư phát triển	3.000	3.000	200	-	-	2.800,00	-	
	<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-	
	Mua sắm sửa chữa	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.000	3.000	200	-	-	2.800,00	-	
	Chi thường xuyên	75.141	75.141	16.188	27.940	24.052	6.962,00	-	
	<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi lương và phụ cấp	61.254	61.254	12.933	24.494	19.786	4.042	-	
	- Chi cho hoạt động chuyên môn	11.557	11.557	2.700	2.618	3.450	2.789,00	-	
	Chi hỗ trợ chính sách, Chi thường xuyên khác	630	630	160	173	297	131	-	
Tổng số	83.470	83.470	16.980	31.100	26.600	8.790,00	-		
Chi đầu tư phát triển	4.160	4.160	480	1.000	1.000	1.680,00	-		
<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-		
Mua sắm sửa chữa	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.160	4.160	480	-	1.000	1.680,00	-		
Chi thường xuyên	79.310	79.310	16.500	30.100	25.600	7.110	-		
<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-		
Chi lương và phụ cấp	63.670	63.670	12.891	26.224	20.470	4.085	-		
- Chi cho hoạt động chuyên môn	12.823	12.823	2.900	2.958	4.150	2.815	-		
Chi hỗ trợ chính sách, Chi thường xuyên khác	840	840	309	163	368	-	-		
Chi thường xuyên khác	1.977	1.977	400	755	612	210	-		
Tổng số	87.930	87.930	17.625	32.605	27.880	9.820,00	-		
Chi đầu tư phát triển	4.000	4.000	300	1.000	1.000	1.700,00	-		
<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-		
Mua sắm sửa chữa	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.000	4.000	300	-	1.000	1.700,00	-		
Chi thường xuyên	83.930	83.930	17.325	31.605	26.880	8.120	-		
<i>Chi ra:</i>	-	-	-	-	-	-	-		
Chi lương và phụ cấp	67.035	67.035	13.536	27.535	21.494	4.470,50	-		
- Chi cho hoạt động chuyên môn	13.658	13.658	3.045	3.106	4.358	3.149,50	-		
Chi hỗ trợ chính sách, Chi thường xuyên khác	882	882	324	171	386	-	-		
Chi thường xuyên khác	2.355	2.355	420	793	643	500	-		



TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 18/6/2018 của UBND thị xã Bim Sơn)

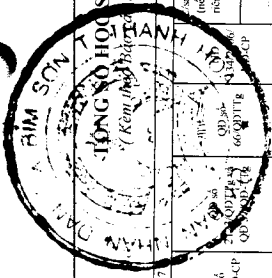
ĐVT: triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 2017			ƯỚC THỰC HIỆN 2018			KẾ HOẠCH 2019		
		Tổng số	NSDP	NSTW	Tổng số	NSDP	NSTW	Tổng số	NSDP	NSTW
1	Số thu giá dịch vụ - Học phí - Lệ phí - Thu sự nghiệp (MN...GDTX) - Các khoản ngân sách hỗ trợ - Thu sự nghiệp khác	5.495,9 5.495,9	5.495,9 5.495,9		6.478,8 6.478,8	6.478,8 6.478,8		6.802,8 6.802,8	6.802,8 6.802,8	
2	Tổng chi từ nguồn thu được để lại: - Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở - Giáo dục thường xuyên - Các cơ sở giáo dục, đào tạo khác (TC nghề) - Quản lý chung của ngành (nếu có)	5.495,9 3.392,2 1.943,0 160,7	5.495,9 3.392,2 1.943,0 160,7	0,0	6.478,8 3.777,2 2.432,7 269,0	6.478,8 3.777,2 2.432,7 269,0	0,0	6.802,8 3.966,0 2.554,3 282,5	6.802,8 3.966,0 2.554,3 282,5	0,0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	78.141,0	78.141,0	0,0	83.470,0	83.470,0	0,0	87.930,0	87.930,0	
I	Chi đầu tư phát triển	3.000,0	3.000,0		4.160,0	4.160,0		4.000,0	4.000,0	
1	Trong đó:	3.000,0	3.000,0		4.160,0	4.160,0		4.000,0	4.000,0	
2	Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung									
3	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ									
4	Chi đầu tư từ nguồn các Dự án ODA									
5	Chi đầu tư từ nguồn Xổ số kiến thiết									
6	Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW									
6	Kinh phí đóng góp của cộng đồng và các nguồn khác									
II	Chi thường xuyên sự nghiệp GD, ĐT (1+...+12)	75.141,0	75.141,0	0,0	79.310,0	79.310,0	0,0	83.930,0	83.930,0	0,0
1	Mầm non	16.188,0	16.188,0	0,0	16.500,0	16.500,0	0,0	17.325,0	17.325,0	0,0
2	Tiểu học	12.933,0	12.933,0		12.891,0	12.891,0		13.536,0	13.536,0	
3	Trung học cơ sở	160,0	160,0		309,0	309,0		324,0	324,0	
4	Giáo dục thường xuyên	27.940,0	27.940,0	0,0	30.100,0	30.100,0	0,0	31.605,0	31.605,0	0,0
5	Trong đó chi thanh toán cho cá nhân	24.494,0	24.494,0		26.224,0	26.224,0		27.535,0	27.535,0	
6	Chi hỗ trợ chính sách	173,0	173,0		163,0	163,0		171,0	171,0	
7	Trong đó chi thanh toán cho cá nhân	24.052,0	24.052,0	0,0	25.600,0	25.600,0	0,0	26.880,0	26.880,0	0,0
8	Chi hỗ trợ chính sách	19.786,0	19.786,0		20.470,0	20.470,0		21.494,0	21.494,0	
9	Trong đó chi thanh toán cho cá nhân	297,0	297,0		368,0	368,0		383,0	383,0	
10	Chi hỗ trợ chính sách	870,6	870,6	0,0	880,0	880,0	0,0	1.058,1	1.058,1	0,0
11	Trong đó chi thanh toán cho cá nhân	806,0	806,0		845,0	845,0		887,3	887,3	
12	Chi hỗ trợ chính sách	0,0	0,0		0,0	0,0		0,0	0,0	



TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG SĨ HOÀNG, SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH
 BC-UBND/ ngày 18/6/2018 của UBND thị xã Bim Sơn

STT	Cấp bậc học	Năm 2017				Năm 2018				KH Năm 2019				C/sách khác (nếu có để riêng từng cột)													
		Nghỉ định số 86/NĐ-CP		QĐ số 239	QĐ số 60	Nghỉ định số 86/NĐ-CP		QĐ số 06/2018/NĐ-CP	ND số 116/NĐ-CP	QĐ số 57/QĐTTg	QĐ số 66/QĐTTg	ND số 134/2006/NĐ-CP	QĐ số 57/QĐTTg		QĐ số 66/QĐTTg	ND số 116/NĐ-CP	QĐ số 57/QĐTTg	QĐ số 66/QĐTTg	ND số 134/2006/NĐ-CP								
		Miền, gặm líp	Hỗ trợ CPHI	Mức (PP)(S/năm)	Số trẻ 5 tuổi	Số trẻ 3-4 tuổi	Miền, gặm líp	Hỗ trợ CPHI	Mức (PP)(S/năm)	Nghỉ, gặm líp	Hỗ trợ CPHI	Mức (PP)(S/năm)	QĐ số 06/2018/NĐ-CP	ND số 116/NĐ-CP	QĐ số 57/QĐTTg	QĐ số 66/QĐTTg	ND số 134/2006/NĐ-CP	Miền, gặm líp	Hỗ trợ CPHI	Mức (PP)(S/năm)	QĐ số 06/2018/NĐ-CP	ND số 116/NĐ-CP	QĐ số 57/QĐTTg	QĐ số 66/QĐTTg	ND số 134/2006/NĐ-CP	C/sách khác (nếu có để riêng từng cột)	
1	Mầm non	125	77		123	136	114	66		104	70		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu học	0	211				0	201		0	197		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Trung học cơ sở	272	172				235	154		228	157		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Giáo dục thường xuyên	0	0		0	0	0	0		0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Các cơ sở GD, ĐT khác																										



TRƯỜNG TIỂU HỌC CHI NGÃN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC GDĐT GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021
 BC-UBND ngày 28/6/2018 của UBND thị xã Bim Sơn

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	DỰ TOÁN	Không có số liệu											
		DỰ KIẾN NĂM 2019			SO SÁNH NHU CẦU NĂM 2019 VỚI TH NĂM 2018		DỰ KIẾN NĂM 2020			DỰ KIẾN NĂM 2021			
		TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU		
1	1	3	4	5	6-4/2	7	8	9-7-8	10	11	12 (b+1)		
I	Tổng chi NSNN trong lĩnh vực GD&ĐT												
	Chia theo nguồn												
	Tổng số chia ra												
	- Chi từ nguồn trong nước												
	- Chi ngoài nước												
I.1	Chi thường xuyên, trong đó												
	- Chi từ nguồn trong nước												
	- Chi ngoài nước												
I.2	Chi đầu tư, trong đó												
	- Chi từ nguồn trong nước												
	- Chi ngoài nước												

